

# Sách Đa-ni-ên - Số Sáu

*Giê-hô-gia-kim*

Jeff Pippenger

2023-12-01

Các sách Đa-ni-ên và Khải Huyền là cùng một cuốn sách, theo cùng nghĩa như Kinh Thánh là một cuốn sách, bao gồm Cựu Ước và Tân Ước.

"Lịch sử về sự sống, sự chết và sự phục sinh của Đức Chúa Giê-su, với tư cách là Con Đức Chúa Trời, không thể được chứng minh trọn vẹn nếu thiếu những bằng chứng chứa trong Cựu Ước. Đấng Christ được bày tỏ trong Cựu Ước rõ ràng như trong Tân Ước. Quyền này làm chứng về một Đấng Cứu Thế sẽ đến, còn quyền kia làm chứng về một Đấng Cứu Thế đã đến đúng như cách các đấng tiên tri đã dự ngôn. Để thấu hiểu kế hoạch cứu chuộc, Kinh Thánh của Cựu Ước phải được hiểu thấu đáo. Chính ánh sáng vinh hiển từ quá khứ tiên tri làm nổi bật đời sống của Đấng Christ và những lời dạy của Tân Ước với sự rõ ràng và vẻ đẹp. Các phép lạ của Đức Chúa Giê-su là bằng chứng về thần tính của Ngài; nhưng những bằng chứng mạnh mẽ nhất rằng Ngài là Đấng Cứu Chuộc của thế gian được tìm thấy trong các lời tiên tri của Cựu Ước khi so sánh với lịch sử của Tân Ước. Đức Chúa Giê-su phán với người Do Thái: 'Hãy tra xét Kinh Thánh; vì các ngươi tưởng rằng bởi đó các ngươi có sự sống đời đời; chính những sách ấy làm chứng về Ta.' Lúc bấy giờ chưa có kinh điển nào khác ngoài Cựu Ước; nên lời truyền của Đấng Cứu Chúa là rõ ràng." Tinh thần Tiên tri, tập 3, trang 211.

Bằng chứng mạnh mẽ nhất về thân phận và bản chất của Đấng Christ là khi các lời tiên tri trong Cựu Ước được đối chiếu với sự ứng nghiệm của chúng trong lịch sử Tân Ước. Điều này cũng đúng với mối liên hệ giữa hai sách Đa-ni-ên và Khải Huyền.

"Trong sách Khải Huyền, tất cả các sách của Kinh Thánh hội tụ và kết thúc. Đây là phần bổ túc cho sách Đa-ni-ên. Một quyền là lời tiên tri; quyền kia là sự khai thị." Công Vụ Các Sứ Đồ, 585.

Từ "complement" có nghĩa là đưa tới sự hoàn thiện. Sự ứng nghiệm các lời tiên tri của Cựu Ước là "bằng chứng" "mạnh mẽ nhất" về "thần tính" của Đấng Christ. Bằng chứng mạnh mẽ nhất về tính thần linh của các lời tiên tri trong sách Đa-ni-ên là sự ứng nghiệm của những lời ấy như được trình bày trong sách Khải Huyền. Các lời tiên tri trong sách Đa-ni-ên được tiếp nối trong sách Khải Huyền, và chúng được đưa đến chỗ hoàn thiện trong những ngày sau rốt, khi sách Khải Huyền của Đức Chúa Giê-su Christ được mở ấn.

"Khải Huyền là một quyển sách được niêm phong, nhưng cũng là một quyển sách mở. Nó ghi lại những sự kiện kỳ diệu sẽ diễn ra trong những ngày cuối cùng của lịch sử trái đất này. Những giáo huấn của quyển sách này là rõ ràng, chứ không huyền bí và khó hiểu. Trong đó, cùng một dòng tiên tri được tiếp nối như trong sách Đa-ni-ên. Một số lời tiên tri Đức Chúa Trời đã lặp lại, qua đó cho thấy rằng chúng cần được coi trọng. Chúa không lặp lại những điều không mấy hệ trọng." Manuscript Releases, tập 9, 8.

Năm thứ ba đời trị vì của Giê-hô-gia-kim, vua Giu-đa, Nê-bu-cát-nét-sa, vua Ba-by-lôn, đến Giê-ru-sa-lem và vây hãm nó. Đa-ni-ên 1:1.

Câu đầu tiên của sách Đa-ni-ên chứa đựng một kho tàng thông tin tiên tri khi được xem xét đúng đắn. Chúng ta sẽ bắt đầu việc xem xét với Giê-hô-gia-kim.

Jehoiakim là vị thứ nhất trong ba vua cuối cùng của Giu-đa. Vì thế, ông tượng trưng cho sứ điệp của thiên sứ thứ nhất. Con trai ông là Jehoiachin, cũng được gọi là Jeconiah hoặc Coniah, tượng trưng cho sứ điệp của thiên sứ thứ hai. Sau Jehoiachin là Zedekiah, vị vua cuối cùng trong ba vua cuối cùng của Giu-đa. Zedekiah tượng trưng cho sứ điệp của thiên sứ thứ ba. Có nhiều chứng cứ tiên tri khẳng định rằng Jehoiakim là biểu tượng của sứ điệp của thiên sứ thứ nhất. Việc hiểu các bằng chứng này là quan trọng, vì chúng chỉ ra rằng câu thứ nhất của chương một trong sách Daniel đang xác định sứ điệp của thiên sứ thứ nhất, và thực tế đó là mỏ neo giúp chương thứ nhất được hiểu như sứ điệp của thiên sứ thứ nhất trong Khải Huyền mười bốn. Chúng ta sẽ bắt đầu ở sách II Sử Ký.

Những kẻ thoát khỏi lưỡi gươm thì bị dẫn sang Ba-by-lôn; tại đó họ làm tội tở cho vua và các con trai vua cho đến thời trị vì của vương quốc Ba Tư, để ứng nghiệm lời của Chúa đã phán qua miệng Giê-rê-mi-a, cho đến khi đất được hưởng các ngày Sa-bát; vì bao lâu đất còn hoang vu thì đất giữ ngày Sa-bát, cho đủ bảy mươi năm. 2 Sử ký 36:20, 21.

Thời kỳ lưu đày ở Ba-by-lôn kéo dài bảy mươi năm là để đất được nghỉ các kỳ sa-bát vốn đã không được tuân giữ theo Lê-vi Ký 25. Bảy mươi năm sa-bát tương đương với bốn trăm chín mươi năm mà Israel cổ đại đã phớt lờ các quy định của Lê-vi Ký 25. Bốn trăm chín mươi năm phản nghịch đã diễn ra trước bảy mươi năm lưu đày. Vào lúc kết thúc bốn trăm chín mươi năm ấy, ba vị vua sẽ bị Nê-bu-cát-nét-sa đặt dưới quyền.

Vào cuối bảy mươi năm lưu đày, Chúa đã dấy lên Cyrus, người là vị vua đầu tiên trong ba vị vua sẽ ban sắc lệnh cho phép Israel trở về và xây dựng lại Jerusalem. Artaxerxes là vị vua thứ ba trong số ba vị vua ấy, và ông đã ban sắc lệnh thứ ba vào năm 457 TCN. Sắc lệnh thứ ba khởi đầu giai đoạn hai nghìn ba trăm năm của Daniel chương tám, câu mười bốn. Năm 1798, sự kết thúc thứ nhất của thời kỳ phẫn nộ đã đến, sách Daniel được mở ấn và thiên sứ thứ nhất trong ba thiên sứ đã đến. Thiên sứ thứ ba đã đến vào ngày 22 tháng 10 năm 1844.

Ba vị vua cuối cùng của Judah đều phải đối đầu với Nebuchadnezzar, và khi Jehoiakim bị lưu đày, bảy mươi năm bắt đầu. Thời kỳ ấy tiếp diễn cho đến khi Babylon bị tiêu diệt, và viên tướng (Cyrus) đã phá hủy Babylon, người không lâu sau trở thành vua, ban hành sắc lệnh thứ nhất trong ba sắc lệnh. Sắc lệnh thứ ba khởi đầu lời tiên tri về những buổi chiều và buổi sáng, lời tiên tri kết thúc với sự xuất hiện của vị thiên sứ thứ ba trong ba vị thiên sứ. Đấng Christ luôn đồng nhất điểm kết thúc với điểm khởi đầu.

Khởi đầu của bảy mươi năm diễn ra khi Nê-bu-cát-nét-sa thực hiện cuộc tấn công đầu tiên vào Giê-ru-sa-lem. Kết thúc của bảy mươi năm được đánh dấu bởi sự hủy diệt của Ba-by-lôn. Sự tàn phá cuối cùng và trọn vẹn của Giê-ru-sa-lem xảy đến dưới triều vị vua thứ ba trong ba vị vua đều đã bị Nê-bu-cát-nét-sa tấn công. Sự hủy diệt Giê-ru-sa-lem diễn tiến theo từng giai đoạn. Ba vị vua

cuối cùng tượng trưng cho một biểu tượng tiên tri, theo nghĩa là tất cả đều đã bị Nê-bu-cát-nét-sa tấn công. Họ tiêu biểu cho ba sắc lệnh vốn đều là một biểu tượng, cũng như ba thiên sứ vào cuối hai nghìn ba trăm ngày.

“Trong chương thứ bảy của sách E-xơ-ra có chép sắc lệnh ấy. Các câu 12-26. Dưới hình thức đầy đủ nhất, sắc lệnh đó đã được ban hành bởi A-t-ta-xét-xe, vua Ba Tư, vào năm 457 TCN. Nhưng trong E-xơ-ra 6:14, nhà của Đức Giê-hô-va tại Giê-ru-sa-lem được nói là đã được xây dựng ‘theo mạng lệnh [‘sắc lệnh,’ bên lề] của Si-ru, Đa-ri-út, và A-t-ta-xét-xe, vua Ba Tư.’ Ba vị vua này, qua việc khởi xướng, tái xác nhận, và hoàn tất sắc lệnh, đã đưa nó đến sự trọn vẹn mà lời tiên tri đòi hỏi để đánh dấu điểm khởi đầu của 2300 năm. Lấy năm 457 TCN, thời điểm sắc lệnh được hoàn tất, làm niên đại của mạng lệnh, thì mọi chi tiết của lời tiên tri liên quan đến bảy mươi tuần lễ đều được thấy là đã ứng nghiệm.” Thiên Ác Đấu Tranh, 326.

Bà White chỉ ra rằng ba sắc lệnh là cần thiết cho sự trọn vẹn của lời tiên tri. Bà xác định mối liên hệ giữa chúng với nhau, và qua đó, chỉ ra các đặc điểm ngữ pháp của từ “chân lý” trong tiếng Hê-bơ-rơ. Bà nói sắc lệnh thứ nhất khởi xướng, sắc lệnh thứ hai tái khẳng định, và sắc lệnh thứ ba hoàn tất “mọi chi tiết của lời tiên tri về bảy mươi tuần lễ.” Từ “chân lý” trong tiếng Hê-bơ-rơ được tạo nên bởi sự kết hợp của chữ cái thứ nhất, thứ mười ba và chữ cái cuối cùng của bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Sắc lệnh thứ nhất khởi xướng, sắc lệnh thứ hai tái khẳng định, và sắc lệnh sau cùng hoàn tất lời tiên tri. Ba sắc lệnh mang dấu ấn của Alpha và Ômêga, và chúng đã được ứng nghiệm vào cuối lời tiên tri bảy mươi năm về cảnh lưu đày tại Ba-by-lôn, mặc dù sắc lệnh thứ ba đến rất lâu sau khi bảy mươi năm kết thúc. Ba sắc lệnh mang tính tiến triển, và tuy là ba sắc lệnh, chúng vẫn là một biểu tượng tiên tri duy nhất.

Thiên sứ thứ nhất đã đến vào năm 1798, thiên sứ thứ hai đã đến vào mùa xuân năm 1844, và thiên sứ thứ ba đã đến vào ngày 22 tháng 10 năm 1844. Ba thiên sứ ấy là một biểu tượng tiên tri, tượng trưng cho Tin Lành đời đời trong sách Khải Huyền chương mười bốn.

Sứ điệp thứ nhất và thứ hai đã được ban ra vào các năm 1843 và 1844, và hiện nay chúng ta đang ở trong thời kỳ rao giảng sứ điệp thứ ba; nhưng cả ba sứ điệp ấy vẫn còn phải được rao giảng. Điều cần thiết hiện nay cũng như trước kia là chúng phải được nhắc lại cho những ai đang tìm kiếm lẽ thật. Bằng bút và lời nói, chúng ta phải cất lên lời công bố, trình bày thứ tự của chúng và sự áp dụng các lời tiên tri dẫn chúng ta đến sứ điệp của thiên sứ thứ ba. Không thể có sứ điệp thứ ba nếu không có sứ điệp thứ nhất và thứ hai. Những sứ điệp này chúng ta phải trao cho thế giới qua các ấn phẩm, qua các bài giảng, trình bày theo dòng lịch sử tiên tri những điều đã xảy ra và những điều sẽ xảy đến. Những Sứ Điệp Tuyển Chọn, quyển 2, trang 104, 105.

Ba vị vua cuối cùng của Giu-đa là một biểu tượng, vì họ đều bị vua Ba-by-lôn khuất phục ở những mức độ khác nhau. Ba vị vua cuối cùng của Giu-đa, ba sắc lệnh và ba thiên sứ, tuy mỗi nhóm rõ ràng gồm ba, cũng được trình bày như một biểu tượng tiên tri duy nhất.

Ba vị vua cuối cùng là một phần của bối cảnh tiên tri cho phần mở đầu của lời tiên tri về bảy mươi năm lưu đày, và vì thế họ trở thành một phần của phần mở đầu minh họa cho sự kết thúc của bảy mươi năm lưu đày. Sự lưu đày bắt đầu bằng sự khuất phục lần lượt của ba vị vua, kết thúc bằng sự

hủy diệt của vương quốc và kinh đô của nó. Sự kết thúc của lời tiên tri đánh dấu sự hủy diệt của dân tộc và kinh đô Babylon, điều này đồng thời báo hiệu sự xuất hiện của ba sắc lệnh được ban theo từng giai đoạn. Sự khởi đầu của lời tiên tri hai nghìn ba trăm năm được đánh dấu bởi ba sắc lệnh được ban theo từng giai đoạn, và điều đó minh họa cho sự kết thúc của lời tiên tri hai nghìn ba trăm năm, vốn gồm ba thông điệp theo từng giai đoạn.

Ba thiên sứ và ba sứ điệp tương ứng của họ đã được tiêu biểu bởi ba vị vua và ba sắc lệnh tuân tự. Ba vị vua đã công bố các sắc lệnh tương ứng ấy lại được tiêu biểu bởi ba vị vua kế tiếp nhau, mỗi người đã trình bày sứ điệp phản nghịch chống lại Nê-bu-cát-nét-sa. Ba sứ điệp phản nghịch tiêu biểu cho ba sắc lệnh; rồi các sắc lệnh ấy lại tiêu biểu cho ba sứ điệp. Trong đó, một sứ điệp khởi đầu lời tiên tri bảy mươi năm; rồi lời tiên tri ấy kết thúc bằng sự khởi đầu của lời tiên tri hai nghìn ba trăm năm, lời tiên tri này chấm dứt khi thiên sứ thứ ba đến vào năm 1844. Bảy mươi năm mà đất đai được hưởng kỳ Sa-bát của nó không thể tách rời khỏi ngày 22 tháng 10 năm 1844.

Giê-hô-gia-kim tượng trưng cho sắc lệnh thứ nhất của Si-ru, và cũng cho sứ điệp của thiên sứ thứ nhất trong Khải Huyền đoạn mười bốn. Hơn nữa, ba chứng nhân gồm ba vị vua Giu-đa cuối cùng, ba sắc lệnh và ba sứ điệp của các thiên sứ, cung cấp những thông tin chính xác về biểu tượng của Giê-hô-gia-kim, vì lịch sử tiên tri của ba thiên sứ đã được sự soi dẫn ghi dấu rất cẩn thận. Cả ba sứ điệp đều có một thời điểm xuất hiện trong lịch sử, rồi sau đó được gia tăng quyền năng trong lịch sử.

Thiên sứ thứ nhất xuất hiện vào năm 1798, và được củng cố vào ngày 11 tháng 8 năm 1840, khi nguyên tắc một ngày bằng một năm được xác nhận.

"Vào năm 1840, một sự ứng nghiệm đáng chú ý khác của lời tiên tri đã khơi dậy sự quan tâm rộng rãi. Hai năm trước đó, Josiah Litch, một trong những mục sư hàng đầu rao giảng về sự tái lâm, đã xuất bản một bản luận giải về Khải Huyền chương 9, dự đoán sự sụp đổ của Đế quốc Ottoman. Theo tính toán của ông, quyền lực này sẽ bị lật đổ . . . vào ngày 11 tháng 8 năm 1840, khi quyền lực Ottoman tại Constantinople được kỳ vọng sẽ bị phá vỡ. Và điều này, tôi tin rằng, sẽ tỏ ra là đúng."

Đúng vào thời điểm đã định, Thổ Nhĩ Kỳ, thông qua các đại sứ của mình, đã chấp nhận sự bảo hộ của các cường quốc đồng minh ở châu Âu, và như thế tự đặt mình dưới sự kiểm soát của các quốc gia Kitô giáo. Sự kiện ấy đã ứng nghiệm chính xác lời tiên đoán. Khi việc đó được biết đến, đông đảo người đã tin chắc về tính đúng đắn của các nguyên tắc giải nghĩa tiên tri do Miller và các cộng sự của ông áp dụng, và phong trào chờ đợi sự tái lâm nhận được một động lực kỳ diệu. Những người có học thức và địa vị đã hợp tác với Miller, cả trong việc rao giảng lẫn việc xuất bản các quan điểm của ông, và từ năm 1840 đến năm 1844, công việc ấy nhanh chóng được mở rộng. Cuộc Tranh Luận Vĩ Đại, 334, 335.

Thiên sứ thứ nhất đã đến, công bố việc khai mở cuộc phán xét vào năm 1798, nhưng sứ điệp ấy đặt trên cơ sở tính đúng đắn của sự xác định của William Miller rằng một ngày trong lời tiên tri Kinh Thánh tượng trưng cho một năm. Nguyên tắc ấy đã được xác nhận "vào ngày 11 tháng 8 năm 1840", và sứ điệp thứ nhất được thêm quyền năng. Khi lời dự đoán về sự tái lâm của Đấng Christ trong năm Kinh Thánh 1843, vốn kéo dài sang năm 1844, thất bại, thiên sứ thứ hai của Khải Huyền

chương mười bốn đã đến. Khi lời dự đoán vào mùa xuân năm 1844 thất bại, các Hội thánh Tin Lành đã bác bỏ quy tắc “một ngày là một năm” của Miller và trở thành các con gái của Ba-by-lôn. Sứ điệp ấy sau đó được thêm quyền năng vào mùa hè năm 1844, khi nó được hiệp cùng với sứ điệp của Tiếng Kêu Nửa Đêm. Khi sứ điệp của Tiếng Kêu Nửa Đêm được ứng nghiệm vào ngày 22 tháng 10 năm 1844, thiên sứ thứ ba đã đến với sứ điệp của mình.

Do sự bất tuân của Cơ Đốc Phục Lâm La-ô-đi-xê vào năm 1863, dân sự của Đức Chúa Trời đã phải lập lại lịch sử cuộc lang thang trong đồng vắng của Y-so-ra-ên xưa. Việc sứ điệp thứ ba được ban thêm quyền năng sẽ phải chờ đến ngày 11 tháng 9 năm 2001. Mỗi trong ba sứ điệp đều xuất hiện trong lịch sử và sau đó được ban thêm quyền năng.

Jehoiakim và Cyrus đại diện cho sự tăng cường quyền năng của thiên sứ thứ nhất, chứ không phải sự xuất hiện của thiên sứ ấy. Tuy Jehoiakim là vị đầu tiên trong ba vua cuối cùng của Giu-đa, và tuy ông đại diện cho sứ điệp của thiên sứ thứ nhất, nhưng những đặc điểm tiên tri mà ông, cũng như Cyrus, bày tỏ cho thấy cả hai đều là những biểu tượng của sự tăng cường quyền năng của thiên sứ thứ nhất, chứ không phải là những biểu tượng của sự xuất hiện của thiên sứ thứ nhất. Trong lịch sử của Jehoiakim, sự xuất hiện của sứ điệp thứ nhất là Manasseh, vị đầu tiên trong bảy vua cuối cùng của Giu-đa.

Bảy vị vua đã xuất hiện trước sự hủy diệt hoàn toàn và cuối cùng của Giê-ru-sa-lem. Bảy vị vua ấy tượng trưng cho một tiến trình lịch sử, giống như lịch sử mà họ đã tiêu biểu cho trong giai đoạn 1798 đến 1844. Thiên sứ thứ nhất đã đến vào năm 1798, và thiên sứ thứ ba đã đến vào ngày 22 tháng 10 năm 1844. Lịch sử từ năm 1798 đến năm 1844 là lịch sử của thiên sứ thứ nhất và thứ hai. Lịch sử của thiên sứ thứ ba bắt đầu từ năm 1844. Khi Bà White xác định ý nghĩa biểu tượng của bảy tiếng sấm trong Khải Huyền chương mười, bà nói rằng bảy tiếng sấm ấy tượng trưng cho lịch sử của thiên sứ thứ nhất và thứ hai, nhưng không phải của thiên sứ thứ ba.

"Ánh sáng đặc biệt được ban cho Giảng, vốn được bày tỏ qua bảy tiếng sấm, là sự phác họa các sự kiện sẽ diễn ra trong bối cảnh sứ điệp của thiên sứ thứ nhất và thứ hai." Chú Giải Kinh Thánh của Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy, tập 7, trang 971.

Lịch sử của bảy tiếng sấm trong Khải Huyền chương mười nhấn mạnh lịch sử về sự tăng cường quyền năng của thiên sứ thứ nhất vào ngày 11 tháng 8 năm 1840 cho đến Sự Thất Vọng Lớn vào ngày 22 tháng 10 năm 1844; tuy nhiên, nó vẫn bao gồm toàn bộ lịch sử của thiên sứ thứ nhất và thiên sứ thứ hai. Cách hiểu chung về bảy tiếng sấm là nó tượng trưng cho giai đoạn từ năm 1798 đến ngày 22 tháng 10 năm 1844. Lịch sử sự xuất hiện của thiên sứ thứ nhất từ năm 1798 đến Sự Thất Vọng Lớn chính là lịch sử của thiên sứ thứ nhất và thiên sứ thứ hai, và được trình bày một cách tiên tri như bảy tiếng sấm. Bảy tiếng sấm cũng được tiêu biểu bởi bảy vị vua cuối cùng của Giu-đa. Ba vị vua cuối cùng trong số đó không chỉ đơn thuần là các vua nối tiếp nhau, mà khi gộp lại họ là một biểu tượng gồm phần đầu, phần giữa và phần cuối.

Trong lịch sử ba thiên sứ, sứ điệp thứ nhất được ban thêm quyền năng vào ngày 11 tháng 8 năm 1840, và cả Giê-hô-gia-kim lẫn Si-ru đều tiêu biểu cho sự kiện ấy.

Chúng tôi sẽ tiếp tục xác định những sự thật quan trọng nhất này trong bài viết tiếp theo.

Sự chính trực nghiêm cần nên được mọi học viên trân quý. Mọi tâm trí nên hướng với sự kính cẩn chăm chú đến Lời mặc khải của Đức Chúa Trời. Ánh sáng và ân điển sẽ được ban cho những ai vâng phục Đức Chúa Trời như vậy. Họ sẽ thấy những điều kỳ diệu từ luật pháp của Ngài. Những lễ thật lớn lao đã bị bỏ qua và không được thấy kể từ ngày Lễ Ngũ Tuần sẽ tỏa rạng từ Lời Đức Chúa Trời trong sự tinh tuyền vốn có của chúng. Đối với những ai thật lòng yêu mến Đức Chúa Trời, Đức Thánh Linh sẽ bày tỏ những lễ thật đã phai mờ khỏi tâm trí, và cũng sẽ bày tỏ những lễ thật hoàn toàn mới. Những ai ăn thịt và uống huyết Con Đức Chúa Trời sẽ rút ra từ các sách Đa-ni-ên và Khải Huyền những lễ thật được Đức Thánh Linh soi dẫn. Họ sẽ khởi phát những lực lượng không thể bị kìm hãm. Miệng trẻ nhỏ sẽ được mở ra để rao truyền những mâu nhiệm đã bị che giấu khỏi tâm trí loài người. Chúa đã chọn những điều đại dột của thế gian này để làm bối rối những kẻ khôn ngoan, và những điều yếu đuối của thế gian để làm bẽ mặt những kẻ mạnh.

“Kinh Thánh không nên được đưa vào trường học của chúng ta để bị kẹp giữa những tư tưởng vô tín. Kinh Thánh phải được đặt làm nền tảng và nội dung của giáo dục. Đúng là chúng ta biết nhiều hơn về lời của Đức Chúa Trời hằng sống so với trước kia, nhưng vẫn còn nhiều điều phải học nữa. Kinh Thánh cần được dùng như lời của Đức Chúa Trời hằng sống, và được tôn quý như điều trước hết, sau cùng, và tốt nhất trong mọi sự. Bây giờ sẽ thấy sự tăng trưởng thuộc linh chân thật. Học sinh sẽ phát triển nhân cách tôn giáo lành mạnh, vì họ ăn thịt và uống huyết Con Đức Chúa Trời. Nhưng nếu không được canh giữ và nuôi dưỡng, sức khỏe của linh hồn sẽ suy tàn. Hãy giữ mình trong luồng sáng. Hãy nghiên cứu Kinh Thánh. Những ai hầu việc Đức Chúa Trời cách trung tín sẽ được ban phước. Đáng không để bất kỳ công việc trung tín nào bị bỏ qua mà không được ban thưởng sẽ tôn vinh mọi hành động trung thành và liêm chính bằng những dấu ấn đặc biệt của tình yêu và sự chấp thuận của Ngài.” Review and Herald, ngày 17 tháng 8, 1897.